

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CHỐT TẠI NGÀY 22/3/2026

TT	Họ và tên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/ Địa chỉ trụ sở	Chỗ ở hiện tại/ Địa chỉ trụ sở	Số, ngày, nơi cấp CCCD, hoặc hộ chiếu	Số cổ phần	Loại cổ phần	Số GCN vốn góp	Ngày cấp	Mệnh giá cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	UBND thành phố Hải Phòng	Tòa nhà B, Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố, phường Thủy Nguyên, TP Hải Phòng	Tòa nhà B, Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố, phường Thủy Nguyên, TP Hải Phòng		19.489.450	phổ thông	01/GCN3	5/8/2025	10.000	194.894.500.000	84,29%
2	HTX dịch vụ nông nghiệp Đồng Gia	Thôn Đồng Xá Bắc, xã Kim Thành, TP Hải Phòng	Thôn Đồng Xá Bắc, xã Kim Thành, TP Hải Phòng	0801490638	35.110	phổ thông	02/GCN3	5/8/2025	10.000	351.100.000	0,15%
3	HTX dịch vụ nông nghiệp Thái Dương	Xã Thượng Hồng, TP Hải Phòng	Xã Thượng Hồng, TP Hải Phòng	0800803983	30.270	phổ thông	03/GCN3	5/8/2025	10.000	302.700.000	0,13%
4	UBND xã Nguyễn Lương Bằng - TP Hải Phòng	Thôn Phú Cốc, Xã Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Phòng	Thôn Phú Cốc, Xã Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Phòng		62.440	phổ thông	04/GCN3	5/8/2025	10.000	624.400.000	0,27%
5	UBND xã Bình Giang - TP Hải Phòng	Thôn Tân Hưng, Xã Bình Giang, TP Hải Phòng	Thôn Tân Hưng, Xã Bình Giang, TP Hải Phòng		30.000	phổ thông	05/GCN3	5/8/2025	10.000	300.000.000	0,13%
6	UBND phường Nguyễn Đại Năng - TP Hải Phòng	Số 145 đường Nguyễn Du, phường Nguyễn Đại Năng, TP Hải Phòng	Số 145 đường Nguyễn Du, phường Nguyễn Đại Năng, TP Hải Phòng		62.220	phổ thông	06/GCN3	5/8/2025	10.000	622.200.000	0,27%
7	UBND xã Nam An Phụ - TP Hải Phòng	Thôn Xạ Sơn, xã Nam An Phụ, TP Hải Phòng	Thôn Xạ Sơn, xã Nam An Phụ, TP Hải Phòng		66.130	phổ thông	07/GCN3	5/8/2025	10.000	661.300.000	0,29%
8	UBND xã An Thành - TP Hải Phòng	Thôn Phù Tài 2, xã An Thành, TP Hải Phòng	Thôn Phù Tài 2, xã An Thành, TP Hải Phòng		66.100	phổ thông	08/GCN3	5/8/2025	10.000	661.000.000	0,29%
9	UBND xã Phú Thái - TP Hải Phòng	173 đường 20/9, xã Phú Thái, TP Hải Phòng	173 đường 20/9, xã Phú Thái, TP Hải Phòng		71.660	phổ thông	09/GCN3	5/8/2025	10.000	716.600.000	0,31%
10	UBND xã Yết Kiêu - TP Hải Phòng	Thôn Thượng Bi 2, xã Yết Kiêu, TP Hải Phòng	Thôn Thượng Bi 2, xã Yết Kiêu, TP Hải Phòng		95.300	phổ thông	10/GCN3	5/8/2025	10.000	953.000.000	0,41%
11	UBND xã Trường Tân - TP Hải Phòng	Thôn Đông Trại, xã Trường Tân, TP Hải Phòng	Thôn Đông Trại, xã Trường Tân, TP Hải Phòng		38.870	phổ thông	11/GCN3	5/8/2025	10.000	388.700.000	0,17%
12	UBND xã Tân Kỳ - TP Hải Phòng	Thôn Ngọc Lâm, xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng	Thôn Ngọc Lâm, xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng		237.350	phổ thông	12/GCN3	5/8/2025	10.000	2.373.500.000	1,03%
13	UBND xã Chí Minh - TP Hải Phòng	Thôn Mỹ Ấn, xã Chí Minh, TP Hải Phòng	Thôn Mỹ Ấn, xã Chí Minh, TP Hải Phòng		295.810	phổ thông	13/GCN3	5/8/2025	10.000	2.958.100.000	1,28%
14	UBND xã Mao Điền - TP Hải Phòng	Ngã tư Ghè, thôn Trảng Kỳ, xã Mao Điền, TP Hải Phòng	Ngã tư Ghè, thôn Trảng Kỳ, xã Mao Điền, TP Hải Phòng		210.030	phổ thông	14/GCN3	5/8/2025	10.000	2.100.300.000	0,91%
15	UBND xã Hợp Tiến - TP Hải Phòng	Thôn Đầu Tiến, xã Hợp Tiến, TP Hải Phòng	Thôn Đầu Tiến, xã Hợp Tiến, TP Hải Phòng		115.000	phổ thông	15/GCN3	5/8/2025	10.000	1.150.000.000	0,50%
16	UBND xã Thái Tân - TP Hải Phòng	Thôn An Dật, Xã Thái Tân, TP Hải Phòng	Thôn An Dật, Xã Thái Tân, TP Hải Phòng		265.460	phổ thông	16/GCN3	5/8/2025	10.000	2.654.600.000	1,15%
17	UBND xã Nam Sách - TP Hải Phòng	232A Trần Phú, xã Nam Sách, TP Hải Phòng	232A Trần Phú, xã Nam Sách, TP Hải Phòng		89.000	phổ thông	17/GCN3	5/8/2025	10.000	890.000.000	0,38%



TT	Họ và tên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/ Địa chỉ trụ sở	Chỗ ở hiện tại/ Địa chỉ trụ sở	Số, ngày, nơi cấp CCCD, hoặc hộ chiếu	Số cổ phần	Loại cổ phần	Số GCN vốn góp	Ngày cấp	Mệnh giá cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
18	UBND xã Hà Đông - TP Hải Phòng	thôn Vĩnh Ninh, Xã Hà Đông, TP Hải Phòng	thôn Vĩnh Ninh, Xã Hà Đông, TP Hải Phòng		466.380	phổ thông	18/GCN3	5/8/2025	10.000	4.663.800.000	2,02%
19	UBND xã Hà Nam - TP Hải Phòng	Thôn Mạc Thủ I, Xã Hà Nam, TP Hải Phòng	Thôn Mạc Thủ I, Xã Hà Nam, TP Hải Phòng		353.240	phổ thông	19/GCN3	5/8/2025	10.000	3.532.400.000	1,53%
20	UBND xã Hà Bắc - TP Hải Phòng	Thôn Nam, Xã Hà Bắc, TP Hải Phòng	Thôn Nam, Xã Hà Bắc, TP Hải Phòng		186.690	phổ thông	20/GCN3	5/8/2025	10.000	1.866.900.000	0,81%
21	UBND xã Vĩnh Lại - TP Hải Phòng	Thôn Do Nghĩa, xã Vĩnh Lại, TP Hải Phòng	Thôn Co Nghĩa, xã Vĩnh Lại, TP Hải Phòng		233.860	phổ thông	21/GCN3	5/8/2025	10.000	2.338.600.000	1,01%
22	UBND xã Khúc Thừa Dụ - TP Hải Phòng	Thôn Động Trạch, xã Khúc Thừa Dụ, TP Hải Phòng	Thôn Động Trạch, xã Khúc Thừa Dụ, TP Hải Phòng		74.060	phổ thông	22/GCN3	5/8/2025	10.000	740.600.000	0,32%
23	UBND xã Tứ Kỳ - TP Hải Phòng	Số 2 đường Tây Nguyên, xã Tứ Kỳ, TP Hải Phòng	Số 2 đường Tây Nguyên, xã Tứ Kỳ, TP Hải Phòng		189.750	phổ thông	23/GCN3	5/8/2025	10.000	1.897.500.000	0,82%
24	UBND phường Lê Đại Hành - TP Hải Phòng	Tổ dân phố Tứ Giang, phường Lê Đại Hành, TP Hải Phòng	Tổ dân phố Tứ Giang, phường Lê Đại Hành, TP Hải Phòng		120.000	phổ thông	24/GCN3	5/8/2025	10.000	1.200.000.000	0,52%
25	UBND phường Nam Đồng - TP Hải Phòng	Tổ dân phố Cập Nhất I, phường Nam Đồng, TP Hải Phòng	Tổ dân phố Cập Nhất I, phường Nam Đồng, TP Hải Phòng		238.420	phổ thông	25/GCN3	5/8/2025	10.000	2.384.200.000	1,03%
										231.226.000.000	100,00%

Người lập

Phạm Thị Lan Phương



Hải Phòng ngày 22 tháng 3 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đặng Đức Thành

